

TÒA ÁN NHÂN DÂN Q.HẢI CHÂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Bản án số 08/2021/DS-ST

Ngày 26/02/2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng*
vay tài sản và cầm cố tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do – H Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Thảo
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Tùng
Ông Huỳnh Tiến
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu tham gia phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Hiếu – Kiểm sát viên

Ngày 26/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và cầm cố tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/QĐXXST-DS ngày 09/11/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2020/QĐ-TA ngày 04/12/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (Công ty TNHH T). Địa chỉ: K101/4 L, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Ngọc T1 - Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Hồng H, sinh năm 1996. Địa chỉ liên hệ: 52 T, quận S, thành phố Đà Nẵng, (giấy ủy quyền ngày 20.4.2020), bà H có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Bạch Văn L, sinh năm 1989. Địa chỉ: Số 21 T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lê Thị T2, sinh năm 1983. Địa chỉ: K101/4 K101/4 L, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trương Thị Hồng H, sinh năm 1996. Địa chỉ liên hệ: 52 T, quận S, thành phố Đà Nẵng, (giấy ủy quyền ngày 03.7.2020), bà H có mặt.

Ngân hàng TMCP V. Địa chỉ: 89 L, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Ngọc T2, ông Nguyễn Anh T4, ông Nguyễn Bá T5. Địa chỉ: Tầng 4, 112 P, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Bé T6. Địa chỉ: Số 21 T, quận H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Dư Ngọc T7 – Luật sư Công ty Luật TNHH Thiện Minh. Địa chỉ: 52 T, quận S, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 20/8/2019, Công ty TNHH T và ông Bạch Văn L có ký hợp đồng cầm cố tài sản với nhau. Nội dung hợp đồng, Công ty TNHH T cho ông L vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) trong thời hạn 02 tháng, kể từ ngày 20/8/2019 đến ngày 20/10/2019. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông L cầm cố cho Công ty TNHH T tài sản của ông L là 01 xe ô tô hiệu Kia, biển số 43A – 297.58. Đến ngày 20/10/2019, hai bên tiếp tục gia hạn hợp đồng đến ngày 20/11/2019.

Khi hợp đồng cầm cố hết hạn, Công ty đã nhiều lần yêu cầu ông L trả tiền nhưng ông L cố tình không trả. Ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nay Công ty TNHH T yêu cầu Tòa án buộc ông L trả cho Công ty TNHH T số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 21/11/2019 đến ngày 21/02/2021 là 25.000.000đ (200.000.000đ x 15 tháng x 10%/năm/12 tháng). Tổng cộng là 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Trong đơn khởi kiện, Công ty TNHH T có yêu cầu Tòa án tuyên hủy bỏ hợp đồng cầm cố tài sản ký kết ngày 20/8/2019 giữa Công ty TNHH T và ông Bạch Văn L, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH T xin rút yêu cầu này, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với giao dịch cầm cố tài sản để đảm bảo khoản tiền vay, Công ty TNHH T không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố để trả nợ và không yêu cầu xem xét giải quyết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Đồng thời, ngày 20/8/2019, Công ty TNHH T và ông L đã ký kết hợp đồng cho thuê xe nhằm cho ông L thuê lại ô tô trên trong thời hạn 01 tháng từ ngày 20/8/2019 đến ngày 20/9/2019. Đến ngày 20/9/2019, hai bên tiếp tục ký hợp đồng thuê xe trong thời hạn 01 tháng từ ngày 20/9/2019 đến ngày 20/10/2019. Sau khi hợp đồng thuê xe chấm dứt, Công ty TNHH T đã nhiều lần yêu cầu ông L giao lại xe ô tô nhưng ông L cố tình không trả lại. Công ty TNHH T không yêu cầu xem xét giải quyết đối với các hợp đồng thuê xe này.

* Bị đơn ông Bạch Văn L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Bạch Văn L vắng mặt không có lý do và không có bản khai.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T2 trình bày: Bà T2 xác nhận giữa Công ty TNHH T và ông Bạch Văn L có ký hợp đồng cầm cố tài sản ngày 20/8/2019, bà là người trực tiếp ký kết hợp đồng theo ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T và các nội dung khác như đại diện nguyên đơn đã trình bày là đúng. Nay Công ty TNHH T yêu cầu Tòa án buộc ông L trả cho Công ty TNHH T số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc chưa trả theo lãi suất 10%/năm tính từ ngày 21/11/2019 đến ngày 21/02/2021 là 25.000.000 đồng, bà thống nhất với yêu cầu của Công ty TNHH T và không có ý kiến gì. Công ty TNHH T xin rút yêu cầu tuyên hủy bỏ hợp đồng cầm cố tài sản ký kết ngày 20/8/2019 giữa Công ty TNHH T và ông Bạch Văn L, bà T2 không có ý kiến gì. Đối với nội dung cầm cố tài sản để đảm bảo khoản vay, Công ty TNHH T không yêu cầu xem xét giải quyết và không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố, bà không có ý kiến gì. Đối với hợp đồng thuê tài sản, bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.*

** Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP V trình bày Ngày 12/9/2017, Ngân hàng TMCP V có cho ông Bạch Văn L và bà Nguyễn Thị Bé T6 vay tiền theo hợp đồng tín dụng số LN1709050222664/STA/HĐTD để vay số tiền 503.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô Kia Rondo.*

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ vay thì ông Bạch Văn L và bà Nguyễn Thị Bé T6 thế chấp cho Ngân hàng xe ô tô, nhãn hiệu Kia Rondo, biển số 43A-297.58, số khung 51M6HC111857, số máy G4NAHH300811, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 042864 do Phòng CSGT Công an thành phố Đà Nẵng cấp ngày 11/9/2017 theo Hợp đồng thế chấp số LN1709050222664/STA/HĐTC ngày 12/9/2017.

Ngân hàng được biết ngày 20/8/2019, Công ty TNHH T và ông Bạch Văn L có ký hợp đồng cầm cố để vay tài sản. Công ty TNHH T cho ông L vay số tiền 200.000.000đ, ông L giao cho Công ty TNHH T tài sản cầm cố là 01 xe ô tô hiệu Kia, biển số 43A – 297.58. Ngày 20/8/2019, Công ty TNHH T và ông L đã ký kết hợp đồng cho thuê xe nhằm cho ông L thuê lại ô tô trên và hiện nay chiếc xe trên đã giao lại cho ông Bạch Văn L.

Thời điểm ông L cầm cố chiếc xe trên cho Công ty TNHH T thì chiếc xe này hiện vẫn còn đang thế chấp để bảo đảm món vay đối với Ngân hàng TMCP V. Việc ông L cầm cố chiếc xe này cho Công ty TNHH T thì Ngân hàng hoàn toàn không biết gì, Ngân hàng không đồng ý việc ông L cầm cố chiếc xe này. Tuy nhiên Ngân hàng không có ý kiến và yêu cầu gì. Ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án tranh chấp giữa Công ty TNHH T với ông Bạch Văn L. Ngân hàng không có yêu cầu độc lập và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T6 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà Nguyễn Thị Bé T6 vắng mặt không có lý do và không có bản khai.

* Tài liệu chứng cứ của vụ án gồm: Hợp đồng cầm cố tài sản ngày 20/8/2019 (bản chính); Hợp đồng cho thuê xe tự lái ngày 20/8/2019 (bản chính); Hợp đồng cho thuê xe ô tô và xe máy ngày 20/9/2019 (bản chính); Chứng minh nhân dân và hộ khẩu của ông Đoàn Ngọc T1 và ông Bạch Văn L (bản sao có chứng thực); Chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản sao có chứng thực); Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV (bản sao); Văn bản ủy quyền.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, phát biểu:

Đối với thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự trong vụ án đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông Bạch Văn L và bà Nguyễn Thị Bé T6 vắng mặt tại Tòa án trong các phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và không có văn bản trình bày ý kiến là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định.

Đối với nội dung vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của đương sự tại phiên tòa hôm nay và các quy định của pháp luật, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Bạch Văn L phải trả cho Công ty TNHH T số tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi trên nợ gốc chưa trả theo mức lãi 10%/năm tính từ ngày 21/11/2019 đến ngày 21/02/2021 là 25.000.000 đồng. Tổng cộng 225.000.000 đồng. Công ty TNHH T rút yêu cầu tuyên hủy bỏ hợp đồng cầm cố tài sản ký kết ngày 20/8/2019 giữa Công ty TNHH T và ông Bạch Văn L nên đình chỉ yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Bạch Văn L, bà Nguyễn Thị Bé T6 vắng mặt, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP V vắng mặt đề nghị giải quyết vắng mặt,

người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt không có luận cứ bào chữa. Do đó, HĐXX căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Ngày 20/8/2019, Công ty TNHH T và ông Bạch Văn L có ký kết hợp đồng cầm cố tài sản. Nội dung hợp đồng thể hiện: Công ty TNHH T cho ông Bạch Văn L vay số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), ông L cầm cố tài sản là 01 xe ô tô hiệu Kia Rondo, biển số 43A – 297.58 cho Công ty TNHH T, hợp đồng có hiệu lực từ ngày 20/8/2019 đến ngày 20/10/2019. Mặc dù ghi là hợp đồng cầm cố tài sản nhưng trong hợp đồng thỏa thuận 02 giao dịch là vay tài sản và cầm cố tài sản nên hợp đồng này được xem là hợp đồng vay tài sản và cầm cố tài sản.

Đối với giao dịch vay tài sản thỏa mãn điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên tham gia giao dịch phải tuân thủ thực hiện. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Bạch Văn L giao tài sản cầm cố cho Công ty TNHH T và nhận tài sản vay. Khi đến thời hạn chấm dứt hợp đồng ngày 20/10/2019, hai bên tiếp tục gia hạn hợp đồng đến ngày 20/11/2019, hết thời hạn gia hạn ông L chưa hiện nghĩa vụ trả nợ, Công ty TNHH T đã nhiều lần yêu cầu ông L trả tiền nhưng ông L vẫn chưa trả. Nay ông L vẫn chưa thanh toán cho Công ty TNHH T số tiền đã vay. Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán ông Bạch Văn L là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự, Công ty TNHH T yêu cầu ông Bạch Văn L trả lại số tiền đã vay là 200.000.000 đồng là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

Về tiền lãi: Công ty TNHH T yêu cầu ông L phải thanh toán tiền lãi chậm trả là 10%/năm tính từ ngày 21/11/2019 đến ngày 21/02/2021 cụ thể $200.000.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ tháng} \times 10\%/\text{năm}/12 \text{ tháng} = 25.000.000 \text{ đồng}$. Xét yêu cầu tiền lãi thì thấy: Trong hợp đồng các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm trả, ông Bạch Văn L đã chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ từ ngày 21/11/2020. HĐXX, xét thấy, mức lãi suất 10%/năm của khoản tiền vay như yêu cầu của Công ty TNHH T là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự nên HĐXX chấp nhận yêu cầu này, buộc ông Bạch Văn L phải trả cho Công ty TNHH T tiền lãi tính từ ngày 21/11/2019 đến ngày 21/02/2021 theo mức lãi suất 10%/năm là 25.000.000 đồng. HĐXX buộc ông Bạch Văn L phải trả cho Công ty TNHH T số tiền nợ 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/11/2019 đến ngày 21/02/2021 là 25.000.000 đồng, tổng cộng 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Đối với yêu cầu của Công ty TNHH T tuyên hủy bỏ hợp đồng cầm cố tài sản ký kết ngày 20/8/2019 giữa Công ty TNHH T và ông Bạch Văn L, trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, Công ty TNHH T rút yêu cầu này không yêu cầu xem xét giải quyết nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này.

Đối với giao dịch cầm cố tài sản, ông L cầm cố 01 xe ô tô hiệu Kia, biển số 43A – 297.58 cho Công ty TNHH Tuấn T2, tài sản này Công ty TNHH T đã giao cho ông Bạch Văn L thông qua hợp đồng thuê xe, Công ty TNHH T không yêu cầu xử lý tài sản cầm cố và không yêu cầu giải quyết phân giao dịch hợp đồng cầm cố tài sản, trong quá trình giải quyết vụ án ông Bạch Văn L vắng mặt không có ý kiến trình bày hay yêu cầu gì về nội dung này. Đồng thời, tại thời điểm ông L cầm cố xe cho Công ty TNHH T thì chiếc xe này đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP V. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết Ngân hàng không có yêu cầu xem xét tính hiệu lực của giao dịch cầm cố chiếc xe này và không có yêu cầu độc lập nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với hợp đồng thuê xe, Công ty TNHH T không yêu cầu xem xét đối với hợp đồng này nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Bạch Văn L phải chịu theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Công ty TNHH T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009039, 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009038 cùng ngày 08/5/2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009272 ngày 07.7.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

[4] Xét những đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 357, Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T về việc tuyên hủy bỏ hợp đồng cầm cố tài sản ký kết ngày 20/8/2019 giữa Công ty TNHH T và ông Bạch Văn L do nguyên đơn rút yêu cầu.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T đối với ông Bạch Văn L: Buộc ông Bạch Văn L phải trả cho Công ty TNHH T số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/11/2019 đến ngày 21/02/2021 là 25.000.000 đồng, tổng cộng 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Bạch Văn L phải chịu là: 11.250.000 đồng. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Công ty TNHH T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009039, 5.000.000 đồng theo biên lai thu số 0009038 cùng ngày 08/5/2020 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009272 ngày 07.7.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Phương Thảo

